

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày 24-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhân bà Dương Thị Hoa

- **Thư ký phiên toà:** ông Lê Duy Tuyên – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh** tham gia phiên toà: ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2025/TLST- DS ngày 02 tháng 04 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 07/08/2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh; có mặt;

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường V, tỉnh Bắc Ninh; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Do quen biết chị H là người cùng làng nên ngày 07 tháng 5 năm 2011 bà có cho chị H vay 04 chỉ vàng 9999; loại vàng trang sức gồm vòng tay và khuyên tai khi vay có thỏa thuận lãi suất 01 năm lãi 01 chỉ thành 01 chỉ

ruồi. Chị H có viết giấy cho bà với nội dung “Ngày 7 -5 gấy biên nhận 2011 cháu H xam có vay của ông bà thành kiu vay vàng 9999 vàng ta số vàng bốn chỉ thảo thuận vay một năm một chỉ thành 1,5 chỉ” hẹn đến ngày 07/5/2022 trả hết nhưng sau đó không trả. Bà đã đến nhà chị H đòi nhiều lần nhưng chị H không trả. Nay bà đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả bà số vàng đã vay là 04 chỉ vàng 9999, bà không yêu cầu chị H phải trả lãi; bà K xác định giá vàng tại thời điểm xét xử là 12.010.000 đồng/chỉ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị là hàng xóm của bà Nguyễn Thị K, khoảng năm 2012 chị có đưa bà Nguyễn Thị L là di ruột của chồng chị (hiện nay bà L đã chết) sang nhà bà K để vay vàng, khi sang nhà bà K thì có chị, bà L, bà K, ông T (chồng bà K). Khi sang đến nhà bà K thì bà L nói chuyện với bà K về việc vay mượn tiền hay vàng gì đó chị không rõ, khi đó chị ngồi ở giường còn bà K và bà L, ông T ngồi ở bàn uống nước. Hai bên trao đổi về việc gì thì chị không rõ, sau khoảng 1 tiếng thì chị và bà L đi về. Trên đường về nhà bà L có nói với chị là đã vay của bà K vay 3 chỉ vàng 9999, việc lãi là vay 3 chỉ vàng thì 1 năm thành 4 chỉ. Chị xác định từ trước đến nay chị không vay tiền hay vàng gì của bà K; giấy viết tay mà bà K cung cấp cho Tòa án về việc vay vàng chị xác định không hề biết gì về nội dung trong giấy viết tay này tất cả chữ ký và chữ viết ở giấy viết tay này không phải chữ viết, chữ ký của chị N bà K khởi kiện chị yêu cầu trả 4 chỉ vàng 9999 thì chị không đồng ý vì chị không vay hay nợ gì bà K, trường hợp Toà án tuyên buộc chị phải trả vàng cho bà K chị nhất trí tính vàng trang sức loại SJC với giá niêm yết trên trang thông tin tại thời điểm xét xử có giá 12.010.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Do quen biết chị H là người cùng làng nên ngày 07 tháng 5 năm 2011 bà K có cho chị H vay 04 chỉ vàng 9999; khi vay có thỏa thuận lãi suất 01 năm lãi 01 chỉ thành 01 chỉ ruồi. Chị H có viết giấy cho tôi với nội dung “Ngày 7 -5 gấy biên nhận 2011 cháu H xam có vay của ông bà thành kiu vay vàng 9999 vàng ta số vàng bốn chỉ thảo thuận vay một năm một chỉ thành 1,5 chỉ” hẹn đến ngày 07/5/2022 trả hết nhưng sau đó không trả. Bà K đã đến nhà chị H đòi nhiều lần nhưng chị H không trả; nay ông yêu cầu chị H trả vợ chồng ông 04 chỉ vàng 9999.

2. Anh Nguyễn Văn S trình bày việc vay mượn vàng giữa chị H và bà K anh không biết, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471,

Điều 474, Điều 477 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng bà K ông T1 04 chỉ vàng 9999 được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định, xác nhận chị H đã nộp chi phí giám định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và việc thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thị H trú tại tổ dân phố T, xã T, thị xã V (nay là phường V, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vàng theo hợp đồng vay giấy biên nhận 07/5/2011, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Bà K khởi kiện yêu cầu chị H thanh toán trả số vàng vay là 4 chỉ vàng 9999 vay giấy biên nhận 07/5/2011. Ngày 02/4/2025 bà K nộp đơn khởi kiện yêu. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[4] Tại phiên tòa chị H đề nghị giám định lại tuy nhiên chị H không có căn cứ chứng minh kết luận giám định không chính xác, có vi phạm pháp luật, mặt khác kết luận giám định phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do đó đề nghị giám định lại của chị H không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị H trả số vàng đã vay là 04 chỉ vàng 9999; phía bị đơn không đồng ý.

Tòa án thấy rằng do quan hệ quen biết nên ngày 07 tháng 5 năm 2011 chị H có vay 04 chỉ vàng 9999; khi vay có thỏa thuận lãi suất 01 năm lãi 01 chỉ thành 01 chỉ ruồi, chị H có viết giấy cho bà K với nội dung “Ngày 7 -5 gấy biên nhận 2011 cháu H xam có vay của ông bà thành kiu vay vàng 9999 vàng ta số vàng bốn chỉ thảo thuận vay một năm một chỉ thành 1,5 chỉ”; phía chị H không thừa nhận chữ viết và chữ ký của mình.

Tòa án đã thực hiện trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong “Giấy biên nhận ngày 07/5/2011” và chữ viết chữ ký của chị Nguyễn Thị H; tại Kết luận giám định số 1539/KL-KTHS ngày 28/7/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công tỉnh B kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A – trừ chữ viết có nội dung “0982.661.850”) so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8) là do cùng một người ký viết ra”.

Do đó đủ căn cứ xác định chị Nguyễn Thị H có vay của bà Nguyễn Thị K bốn chỉ vàng 9999, nên yêu cầu của bà K buộc chị H trả 04 chỉ vàng 9999 là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Về trách nhiệm trả nợ, anh S cho rằng không liên quan khoản vay, mặt khác bà K, ông T1 yêu cầu mình chị H trả nên cần buộc chị H trả khoản vay này.

[7] Về lãi vay, lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị H phải chịu cả tiền chi phí giám định là 3.240.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

[9] Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các đương sự thống nhất giá vàng nhẫn 9999 của SJC tại thời điểm xét xử trên cổng thông tin điện tử là 12.010.000/chỉ x 4 chỉ = 48.040.000đ do đó chị H phải chịu 2.402.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 161, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T1: Buộc chị Nguyễn Thị H phải thanh toán trả lại bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T1 04 chỉ vàng 9999.

2. Về án phí, chi phí giám định: chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.402.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Chị H phải chịu 3.240.000đ (*ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) chi phí giám định; xác nhận chị H đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện